

Nghị quyết số: /2025/QH15

DỰ THẢO

Ngày 04/5/2025

NGHỊ QUYẾT

**Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá
trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt về tài chính, nguồn nhân lực, phát triển và ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số nhằm tạo đột phá trong xây dựng pháp luật và một số nội dung liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ, hoạt động được áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt

1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, tham mưu xây dựng quan điểm, chủ trương đường lối, định hướng về xây dựng pháp luật tại cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tham gia xây dựng pháp luật quốc tế.

3. Xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế thuộc thẩm quyền của cơ quan trung ương.

4. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác xây dựng pháp luật; giám sát; rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

5. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật; thu hút, trọng dụng nhân tài, sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật.

6. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt

1. Bảo đảm tạo bước đổi mới đột phá, kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới; bảo đảm kiểm soát quyền lực phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.

2. Thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt về tài chính với định mức vượt trội và khoán chi theo nhiệm vụ, hoạt động; chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người làm công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật gắn với lĩnh vực, nhiệm vụ, hoạt động, vị trí việc làm.

3. Bảo đảm tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Đối tượng được áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt

1. Cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang tại cơ quan, đơn vị ở trung ương trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, pháp chế theo Mục I Phụ lục I của Nghị quyết này.

2. Cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị ở địa phương trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, pháp chế theo Mục II Phụ lục I của Nghị quyết này.

3. Cán bộ, công chức trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; nghiên cứu viên của tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trong lĩnh vực pháp luật.

4. Cán bộ, công chức trực tiếp, thường xuyên tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế.

5. Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện, thể chế hóa nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác xây dựng pháp luật.

Điều 5. Ngân sách thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển, bao gồm:

a) Chi thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 2 Nghị quyết này;

b) Chi xây dựng, phát triển, duy trì các hoạt động ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp;

c) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc hiện đại phục vụ công tác xây dựng pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này;

d) Hỗ trợ vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật.

Các khoản chi quy định tại khoản này không bao gồm chi thường xuyên về trả lương và hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Bảo đảm mức chi cho các nhiệm vụ, hoạt động có tính chất ổn định, thường xuyên theo quy định tại Phụ lục II của Nghị quyết này; mức chi gấp từ 3 đến 5 lần định mức theo quy định chung đối với nhiệm vụ, hoạt động khác về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế.

3. Mức thù lao, thuê khoán thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Cơ chế, chính sách cho các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 6 Điều 2, Điều 11 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Quốc hội quyết định giao cho Chính phủ mức ngân sách bảo đảm chi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chính phủ phân bổ, giao kịp thời, đúng, đủ ngân sách bảo đảm chi các nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ, hoạt động phát sinh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho cơ chế, chính sách đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 8, Điều 9 Nghị quyết này.

7. Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư; ưu tiên bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc hiện đại, đạt chuẩn quốc tế cho tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trong lĩnh vực pháp luật, hướng tới ngang tầm khu vực ASEAN.

8. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được quyền chủ động, linh hoạt, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao; bảo đảm việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động; ban hành Quy chế để thực hiện quy định tại khoản này, bảo đảm dân chủ, minh bạch, công khai, đúng quy định.

9. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được miễn trách nhiệm dân sự và không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng từ ngân sách nhà nước khi đã thực hiện đúng, đầy đủ nội dung, quy trình, quy định liên quan trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhưng kết quả của nhiệm vụ, hoạt động không đạt được hoặc không được công nhận do chính sách của Nhà nước thay đổi hoặc do yếu tố khách quan, sự kiện bất khả kháng.

Điều 6. Khoản chi trong công tác xây dựng pháp luật

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng pháp luật được thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động.

2. Việc khoán chi theo nhiệm vụ, giai đoạn hoặc hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật quốc tế theo quy định tại Phụ lục II của Nghị quyết này.

Việc khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có mua sắm tài sản; khoán chi đối với hoạt động quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, giai đoạn hoặc hoạt động quy định tại Điều 2 Nghị quyết này chịu trách nhiệm về việc đánh giá và quyết định về sản phẩm hoàn thành đối với từng nhiệm vụ, giai đoạn, hoạt động.

Điều 7. Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật

1. Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật (sau đây gọi là Quỹ) là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ, hoạt động không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoặc cần bổ sung kinh phí nhằm tạo thay đổi đột phá, tích cực, hiệu quả, bền vững về xây dựng pháp luật, bao gồm:

a) Hoạt động nghiên cứu, hoạch định chiến lược về xây dựng pháp luật;

b) Hoạt động nghiên cứu chính sách phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật quốc tế;

c) Hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn trong, ngoài nước tham gia nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật;

d) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn pháp lý trong nước, quốc tế;

đ) Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng Đề án soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp;

e) Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật;

g) Hỗ trợ các nhiệm vụ xây dựng pháp luật khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

3. Quỹ được Nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này; được nhận các nguồn hỗ trợ hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước từ các tổ chức, cá nhân trong nước. Quỹ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý Quỹ được quyền khoán chi, chủ động, linh hoạt, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; phù hợp với nhu cầu phát sinh và chi phí thực tế theo thị trường hoặc theo loại hình dịch vụ, công việc tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động.

Trường hợp có hỗ trợ hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước từ các tổ chức, cá nhân gắn với mục tiêu chuyên đề thì cơ quan quản lý Quỹ phải sử dụng đúng nguồn kinh phí hỗ trợ đáp ứng mục tiêu chuyên đề đó.

5. Việc nhận nguồn hỗ trợ hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước từ các tổ chức, cá nhân trong nước và việc sử dụng Quỹ phải bảo đảm minh bạch, công khai, gắn với thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm.

Tổ chức, cá nhân có khoản đóng góp cho công tác xây dựng pháp luật vào Quỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân tương ứng với khoản đóng góp vào Quỹ.

6. Tổ chức và hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với nhân lực trong công tác xây dựng pháp luật

1. Cá nhân quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ hàng tháng như sau:

a) Cá nhân quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 4 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ hàng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng. Khoản hỗ trợ được trả cùng kỳ lương và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ hàng tháng theo mức do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định và bố trí từ ngân sách của địa phương.

2. Thu nhập từ công tác xây dựng pháp luật được miễn thuế thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước.

3. Cá nhân quy định tại Điều 4 Nghị quyết này mà không có nhà ở tại địa phương nơi công tác thì được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

4. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức danh lãnh đạo hưởng phụ cấp chức vụ từ hệ số 1.3 trở lên.

Điều 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật

Nhà nước có chính sách, cơ chế đặc biệt thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho công tác xây dựng pháp luật, bao gồm:

1. Xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo chuyên sâu về xây dựng pháp luật theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và có chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo chuyên sâu về xây dựng pháp luật, chuyên gia pháp luật được ưu tiên xét tuyển vào các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục I của Nghị quyết này.

2. Người làm việc tại các cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động tại Điều 2 Nghị quyết này được ưu tiên cử tham gia các khóa đào tạo trong nước, nước ngoài đối với các chương trình phù hợp với ngành, nghề, lĩnh vực theo định hướng phát triển.

3. Thực hiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng, kéo dài thời gian công tác cho cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng pháp luật.

4. Cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật được ưu tiên quy hoạch, biệt phái giữa các Bộ, ngành, địa phương; được rút ngắn thời gian xét nâng ngạch cao hơn, nâng ngạch vượt cấp hoặc bố trí vào vị trí lãnh đạo, quản lý trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực, thành tích làm việc.

5. Thực hiện cơ chế đặc biệt thu hút, xét tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế; đưa chuyên gia Việt Nam vào làm việc tại bộ phận pháp lý của tổ chức quốc tế. Cán bộ, công chức được lựa chọn tham gia, làm việc tại bộ phận pháp lý của tổ chức quốc tế được hưởng chế độ, chính sách tham gia, làm việc tại tổ chức quốc tế và giữ nguyên chế độ, chính sách trong nước.

6. Nghiên cứu viên của tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trong lĩnh vực pháp luật được cử đi học tập kinh nghiệm, nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài có liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhận ít nhất 01 lần/1 năm; được chi trả toàn bộ kinh phí theo quy định trong thời gian đi học tập kinh nghiệm, nghiên cứu, trao đổi khoa học.

7. Cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức theo quy định pháp luật và chính sách, cơ chế đặc biệt khác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Thu hút, sử dụng tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được tự chủ lựa chọn cách thức, tổ chức, cá nhân hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động; được ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài để đặt hàng thực hiện một phần nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng pháp luật; thuê chuyên gia nước ngoài hoặc tổ chức tư vấn nước ngoài tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu chính sách phù hợp với nhu cầu phát sinh và chi phí thực tế theo thị trường hoặc theo loại hình dịch vụ, công việc tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ, hoạt động tự quyết định về tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn; lựa chọn và ký hợp đồng với chuyên gia, tổ chức tư vấn; chịu trách nhiệm về chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Việc thu hút, sử dụng tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý hoạt động đối ngoại.

Điều 11. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật

1. Bố trí kinh phí với cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật nhằm thu thập, số hóa, tích hợp các nguồn dữ liệu chủ trương, đường lối của Đảng, hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Cổng thông tin điện tử pháp luật; hệ thống thông tin phục vụ quản lý các hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ký kết điều ước quốc tế; hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống thông tin về hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống thông tin hỗ trợ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hướng đến soạn thảo tập trung, chuyên nghiệp;

c) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung của bộ, ngành, địa phương trong các lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, thi hành án dân sự, hành chính tư pháp và bảo trợ tư pháp;

d) Các hệ thống thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và đăng ký biện pháp bảo đảm;

đ) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển trợ lý ảo trong hoạt động nghiệp vụ, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

e) Nội dung khác về xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật theo yêu cầu về chuyển đổi số quốc gia.

2. Ngân sách nhà nước bố trí đủ trong năm 2025 và các năm tiếp theo để thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 12. Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật

1. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ hoạt động xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

2. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước phục vụ hoạt động xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm trong công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này thì áp dụng cơ chế, chính sách đó.

3. Chính phủ bố trí đầy đủ kinh phí bổ sung để thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt theo quy định của Nghị quyết này trong năm 2025.

Áp dụng quy định về khoán chi tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết này đối với nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có đề nghị thanh toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp lần thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn